

Bài 13

CỘNG HOÀ ẤN ĐỘ (tiếp theo)

Tiết 2 KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần :

1. Kiến thức

– Phân biệt được những khác biệt về chính sách phát triển kinh tế-xã hội của Ấn Độ trong các thời kì khác nhau.

– Trình bày được những thành tựu chủ yếu trong phát triển nông nghiệp và công nghiệp Ấn Độ.

2. Kỹ năng

Phân tích được các biểu đồ, lược đồ (bản đồ) và các bảng thống kê có trong bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

– Bản đồ Kinh tế chung Ấn Độ.

– Lược đồ "Vùng được tưới tiêu nước và trọng điểm Cách mạng xanh" ở Ấn Độ (phóng to theo SGK).

III. TRỌNG TÂM BÀI

– Cách mạng xanh và cách mạng trắng trong nông nghiệp Ấn Độ.

– Chiến lược phát triển công nghiệp và những thành tựu chủ yếu trong phát triển công nghiệp của Ấn Độ.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

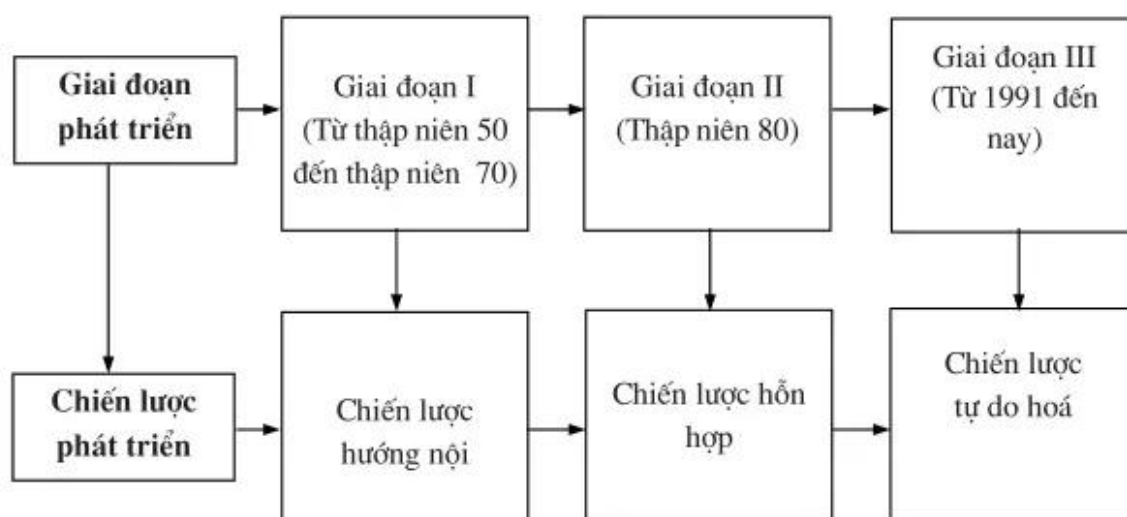
Định hướng bài học : Ấn Độ là một đất nước rộng lớn, giàu tiềm năng và có vị thế quan trọng trên chính trường quốc tế. Do thời gian có hạn nên trong tiết 2 về bài Ấn Độ, SGK chỉ có thể đề cập đến những thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế của Ấn Độ trong những thập niên vừa qua. Để định hướng nội dung và tạo cho HS hứng thú khi nghiên cứu về tình hình phát triển kinh tế của Ấn Độ, GV nên

bắt đầu bài học bằng cách sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở cho HS đi đến nhận thức rằng những chuyển biến lớn trong nông nghiệp do "cách mạng xanh", "cách mạng trắng" đem lại và việc xây dựng được nền công nghiệp cơ bản, đa dạng với một số ngành có trình độ kỹ thuật cao như công nghệ thông tin, năng lượng hạt nhân, là những thành tựu nổi bật trong việc phát triển kinh tế của Ấn Độ. GV cũng nên lưu ý HS rằng không nên chỉ dừng lại ở chỗ tìm hiểu các thành tựu nổi bật trong nông nghiệp và công nghiệp của Ấn Độ mà điều quan trọng cần phải tìm hiểu vì sao Ấn Độ đã đạt được những thành tựu to lớn đó.

Mục I. Chiến lược phát triển

Hoạt động 1 : Tìm hiểu về chiến lược phát triển

GV làm việc với HS cả lớp. Mục tiêu của phần này là GV giúp HS thấy được những khác biệt cơ bản trong đường lối chiến lược phát triển kinh tế của Ấn Độ nhằm thích ứng với bối cảnh phát triển trong các giai đoạn khác nhau. GV nên sử dụng phương pháp giảng giải kết hợp với phát vấn để trình bày nội dung của phần I và có thể sử dụng sơ đồ sau đây :



Mục II. Nông nghiệp

Hoạt động 2 : Tìm hiểu về nông nghiệp

Trong phần này GV có thể sử dụng phương pháp nêu vấn đề. Việc sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề có tác dụng giúp HS làm việc nhiều hơn, tích cực hơn. Khi áp dụng phương pháp nêu vấn đề GV cần chú ý :

– Đặt vấn đề và chuyển HS vào tình huống có vấn đề :

+ Để HS tập trung chú ý đến vấn đề "cách mạng xanh" trong nông nghiệp của Ấn Độ, GV nên bắt đầu bằng việc đề nghị HS đọc SGK và trả lời câu hỏi : "Nông nghiệp Ấn Độ có những chuyển biến mạnh mẽ trong khoảng thời gian nào ? Động lực nào đã tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ, có tính cách mạng trong sản xuất lương thực ở Ấn Độ ?"

+ Qua phân tích nội dung SGK, HS có thể đưa ra kết luận là : Từ những năm cuối thập niên 60 sản xuất nông nghiệp, trước hết là sản xuất lương thực, đã có bước tiến lớn. Cơ sở tạo nên những tiến bộ lớn trong nông nghiệp là "cách mạng xanh".

+ Kết thúc bước "Đặt vấn đề và chuyển HS vào tình huống có vấn đề" GV nên nhận xét câu trả lời của HS là đúng hay sai. Tiếp sau đó GV nêu vấn đề cần được giải quyết : "Vì sao cách mạng xanh đã tạo nên những chuyển biến mạnh mẽ trong nông nghiệp của Ấn Độ".

– Giúp HS giải quyết vấn đề :

Để giúp HS giải quyết được vấn đề nêu trên, GV nên đưa ra một số câu hỏi gợi ý để HS dựa vào đó mà tiến hành các hoạt động độc lập. Ví dụ :

+ Vì sao Ấn Độ cần phải tiến hành cuộc cách mạng xanh ?

+ Cuộc cách mạng xanh được thực hiện như thế nào ?

+ Những thành tựu và những hạn chế của cách mạng xanh là gì ?

+ Ý nghĩa của cách mạng xanh ?

– Kết luận

Ở bước này, GV cần giúp HS đi tới kết luận : "Cách mạng xanh đã tạo nên những chuyển biến mạnh mẽ trong nông nghiệp của Ấn Độ vì cuộc cách mạng xanh với việc áp dụng giống cao sản, tăng cường thuỷ lợi, máy móc, phân bón và thuốc trừ sâu... đã tạo nên một bước tiến nhảy vọt về năng suất và sản lượng lương thực, từ những năm 80, chẳng những Ấn Độ đã tự túc được lương thực mà còn trở thành một trong những nước xuất khẩu nhiều gạo trên thế giới".

Phần còn lại của mục II. "Cách mạng trắng" GV có thể đề nghị HS tự tìm hiểu ở nhà. Để tìm hiểu nội dung của "cách mạng trắng", HS sẽ dựa vào SGK và hai câu hỏi gợi ý sau đây của GV : Vì sao bên cạnh việc tiến hành "cách mạng xanh" Ấn Độ cần phải thực hiện "cách mạng trắng" ? Những thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng trắng là gì ?

Mục III. Công nghiệp

Hoạt động 3 : Tìm hiểu về công nghiệp

Trong mục III, GV nên sử dụng phương pháp giảng giải kết hợp với phương pháp đàm thoại gợi mở và phân tích bản đồ với HS cả lớp. GV có thể trình bày mục III theo một cấu trúc mới, có thay đổi một chút ít cấu trúc nội dung bài học trong SGK để HS thấy rõ hơn mối liên hệ nhân quả giữa những thành tựu của sự phát triển công nghiệp và chiến lược công nghiệp hoá và lực lượng khoa học đông đảo của Ấn Độ.

ẤN ĐỘ TRÊN CON ĐƯỜNG CÔNG NGHIỆP HOÁ

1. *Ấn Độ đã đạt được những thành tựu nổi bật nào trong quá trình công nghiệp hoá ?*

- Ấn Độ là một trong 15 nước có sản lượng công nghiệp lớn nhất thế giới.
- Ấn Độ đã có một hệ thống các ngành công nghiệp cơ bản, đa dạng và một mạng lưới công nghiệp phân bố ở nhiều vùng.
- Ấn Độ đã xây dựng được một số ngành công nghiệp có trình độ kĩ thuật cao.

2. *Vi sao Ấn Độ đạt được những thành tựu lớn trong quá trình công nghiệp hoá ?*

- Sau khi giành được độc lập, Ấn Độ đã kiên trì tiến hành đường lối xây dựng một nền công nghiệp đa dạng vững mạnh trên cơ sở tự lực, tự cường.
- Ấn Độ đã nhanh chóng đào tạo được đội ngũ cán bộ khoa học - kĩ thuật gần 3 triệu người (đứng thứ ba thế giới sau Hoa Kỳ và LB Nga).
- Tiến hành những đổi mới, cải cách cần thiết nhằm giải quyết những khó khăn, trì trệ trong công nghiệp.

GV cần phải lưu ý HS đến những điểm mạnh và những điểm hạn chế trong chiến lược công nghiệp hoá của Ấn Độ.

Những điểm mạnh đã tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình công nghiệp hoá của Ấn Độ là :

- Trong nhiều thập niên kể từ khi giành được độc lập, Ấn Độ đã tập trung xây dựng và phát triển một mạng lưới công nghiệp hoàn chỉnh, có khả năng đáp ứng hầu hết các nhu cầu trong nước từ hàng tiêu dùng đến thiết bị máy móc.

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn đạt trình độ quốc tế như điện tử, tin học, tự động hoá, năng lượng hạt nhân và vũ trụ,...

Những điểm còn hạn chế trong quá trình công nghiệp hoá của Ấn Độ là :

- Trong nhiều thập niên (từ thập niên 50 đến cuối thập niên 80), Ấn Độ thực hiện bảo hộ mạnh mẽ cho công nghiệp và thực hiện chiến lược thay thế nhập khẩu.
- Chính sách trên đã khiến cho năng suất lao động không cao, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất thấp.

V. THÔNG TIN

1. Về ba giai đoạn phát triển kinh tế của Ấn Độ

- Từ thập niên 50 đến thập niên 70 : Phát triển hướng nội là chính (90% vốn đầu tư dựa vào nguồn vốn trong nước, thực hiện chính sách bảo hộ mạnh mẽ cho công nghiệp, quá đề cao khu vực quốc doanh, coi nhẹ vai trò của tư nhân trong nước và đầu tư của nước ngoài).

- Những năm 80 : chuyển sang chiến lược hỗn hợp (nửa kế hoạch, nửa thị trường, vừa hướng nội, vừa hướng ngoại). Nhà nước nới lỏng sự kiểm soát đối với các doanh nghiệp, bước đầu mở cửa nền kinh tế...

- Từ năm 1991 đến nay : chuyển sang chính sách tự do hoá, thực hiện cuộc cải cách toàn diện nhằm điều chỉnh chính sách vĩ mô và điều chỉnh cơ cấu kinh tế, chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường, tự do hoá và mở cửa.

2. Về cuộc "Cách mạng xanh"

Thành tựu lớn nhất trong sự phát triển nông nghiệp của Ấn Độ trong nhiều năm qua là sự phát triển vượt bậc của nông nghiệp do "cách mạng xanh" đem lại. Mặc dù Ấn Độ là một nước nông nghiệp, có diện tích canh tác vào loại lớn nhất thế giới, nhưng trong những thập niên 50 và 60, sản xuất nông nghiệp không đáp ứng được các nhu cầu lương thực trong nước và Ấn Độ phải nhập nhiều lương thực (trong khoảng thời gian từ 1951 - 1971, Ấn Độ đã phải nhập hơn 50 triệu tấn lương thực). Nhờ có cuộc "cách mạng xanh" mà sản lượng lương thực liên tục tăng, từ 56 triệu tấn năm 1951 lên 121 triệu tấn năm 1976 và đạt 166 triệu tấn năm 1985 và đến đầu thập niên 80, Ấn Độ đã tự túc được lương thực. Nhờ những cải cách kinh tế được tiến hành từ đầu thập niên 90, sản xuất lương thực của Ấn Độ tiếp tục tăng (năm 2004 Ấn Độ đã sản xuất được 226 triệu tấn ngũ cốc). Ấn Độ phấn đấu đạt tới 300 triệu tấn lương thực vào năm 2007 - 2008.

3. Về cải cách kinh tế

Trước những năm 90, do duy trì quá lâu chiến lược tập trung quan liêu, bao cấp và "tự lực cánh sinh" theo kiểu đóng cửa, tự cấp tự túc, nền kinh tế Ấn Độ rơi

vào khủng hoảng nghiêm trọng. Thâm hụt cán cân thanh toán lên đến 2,5% GDP trong năm 1990-1991. Nợ nước ngoài tăng từ 18,6 % GDP (năm 1989 - 1990) lên 23% GDP (khoảng 70 tỉ USD năm 1990-1991). Mức tăng GDP giảm từ 4 - 5 %/ năm trong thập niên 80 xuống còn 0,8 % cùng thời gian trên, lạm phát tăng cao, nhiều ngành công nghiệp gặp khó khăn, tình hình xã hội căng thẳng, đời sống nhân dân giảm sút.

Cải cách kinh tế theo hướng tự do hoá và mở cửa đã đem lại những thành tựu bước đầu khá tốt đẹp. Trong hơn 10 năm cải cách vừa qua, mức tăng GDP đạt 5-7% hàng năm, tạo ra nhiều công ăn việc làm, góp phần ổn định và cải thiện đời sống xã hội. Nhờ cải cách mà trong những năm gần đây công nghiệp phần mềm và điện tử của Ấn Độ có tốc độ phát triển rất cao (50% hàng năm) và đạt 4 tỉ USD (chiếm 11% tổng giá trị xuất khẩu). Từ 1991, Ấn Độ đã trở thành một trung tâm đào tạo các chuyên gia phần mềm máy tính cho thế giới.